



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã ba lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18 tháng 10 năm 2008.

Công ty đã niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

### **Công ty có 3 đơn vị trực thuộc:**

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 3- Bình Dương).

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH 1TV In chuyên dùng	104/5 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh	In ấn	100%

### **Nhân sự**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

#### **Hội đồng quản trị**

- |                      |          |                              |
|----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn     | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Lê Kế Đức      | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Xà Triệu Hoàng | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Ngô Trần Vinh  | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Huỳnh Bá Vân   | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |

#### **Ban kiểm soát**

- |                          |            |  |
|--------------------------|------------|--|
| • Ông Đỗ Thành Lâm       | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009                           |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 16/05/2006<br>Miễn nhiệm ngày 13/04/2009 |
| • Bà Trịnh Hồng Hải      | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 23/03/2008<br>Miễn nhiệm ngày 13/04/2009 |
| • Bà Trần Thị Quỳnh Châu | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 13/04/2009                               |
| • Bà Phạm Nhật Quyên     | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 13/04/2009                               |

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                      |                   |                              |
|----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn     | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Lê Kế Đức      | Phó tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Ngô Trần Vinh  | Phó tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Trần Văn Hưng  | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |

### **Kết quả hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh (trang 7 kèm theo).

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Từ Văn Sơn**

*Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2010*



Số: 219 /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 3 năm 2010

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh và công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 26. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**Phan Xuân Vạn**

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

**Trần Thị Thu Hiền**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>84.764.370.745</b>	<b>93.883.815.376</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>10.005.000.619</b>	<b>20.557.311.645</b>
1 Tiền	111		5.959.530.306	4.307.582.302
2 Các khoản tương đương tiền	112		4.045.470.313	16.249.729.343
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.611.253.298</b>	<b>30.730.435.941</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		42.290.920.438	29.175.592.127
2 Trả trước cho người bán	132		414.850.862	1.452.228.234
3 Các khoản phải thu khác	135	6	57.159.098	193.219.580
4 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7	(151.677.100)	(90.604.000)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>31.775.960.915</b>	<b>42.210.176.857</b>
1 Hàng tồn kho	141	8	31.871.651.023	42.339.774.964
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.690.108)	(129.598.107)
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>372.155.913</b>	<b>385.890.933</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		350.173.913	79.621.252
2 Tài sản ngắn hạn khác	158	9	21.982.000	306.269.681
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.375.247.268</b>	<b>28.876.379.585</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.947.006.985</b>	<b>25.647.260.539</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.711.786.650	15.816.486.081
- Nguyên giá	222		27.225.759.915	25.958.148.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.513.973.265)	(10.141.662.440)
2 Tài sản cố định vô hình	227	11	10.912.153.088	9.092.439.771
- Nguyên giá	228		11.697.785.600	9.449.656.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(785.632.512)	(357.216.329)
3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	2.323.067.247	738.334.687
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.453.000.000</b>	<b>103.000.000</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư dài hạn khác	258	13	1.453.000.000	103.000.000
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.975.240.283</b>	<b>3.126.119.046</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.975.240.283	3.071.119.046
3 Tài sản dài hạn khác	268		-	55.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>117.139.618.013</b>	<b>122.760.194.961</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.634.827.887</b>	<b>44.635.906.714</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.629.672.205</b>	<b>44.195.906.714</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	15	6.236.512.973	6.046.000.000
2 Phải trả cho người bán	312		12.431.668.401	29.064.314.544
3 Người mua trả tiền trước	313		2.361.553.687	262.491.566
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.944.559.464	1.103.613.596
5 Phải trả người lao động	315		4.931.264.272	5.511.572.108
6 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	8.724.113.408	2.207.914.900
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.155.682</b>	<b>440.000.000</b>
1 Vay và nợ dài hạn	334		-	440.000.000
2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.155.682	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>79.504.790.126</b>	<b>78.124.288.247</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>78.319.632.668</b>	<b>77.111.344.190</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	56.655.300.000	56.655.300.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	18	12.325.320.000	12.325.320.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413	18	1.405.203.218	923.674.199
4 Cổ phiếu quỹ	414	18	(3.275.267.777)	(682.934.910)
5 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(13.449.554)	-
6 Quỹ đầu tư phát triển	417	18	9.288.665.850	6.278.149.361
7 Quỹ dự phòng tài chính	418	18	942.495.244	461.741.492
8 Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	419		467.161.937	430.857.349
9 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	524.203.750	719.236.699
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.185.157.458</b>	<b>1.012.944.057</b>
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.185.157.458	1.012.944.057
2 Nguồn kinh phí	432			
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>117.139.618.013</b>	<b>122.760.194.961</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu		31/12/2009	31/12/2008
1 Nợ khó đòi đã xử lý	VND	262.466.525	986.237.525
2 Ngoại tệ các loại	USD	258,23	

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập**

**Từ Văn Sơn**

**Trần Văn Hưng**

**Huỳnh Thị Bích Hạnh**

TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2010



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	19	<b>200.629.146.286</b>	<b>220.100.435.745</b>
2. Các khoản giảm trừ	02	19	1.700.005.991	1.791.057.657
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	19	198.929.140.295	218.309.378.088
4. Giá vốn hàng bán	11	20	162.380.783.104	178.002.961.695
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>36.548.357.191</b>	<b>40.306.416.393</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.617.370.467	2.414.240.978
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	22	1.466.704.994	2.913.827.928
<i>Trong đó: Lãi vay</i>	23	22	658.039.392	2.028.922.132
8. Chi phí bán hàng	24		11.823.096.201	13.148.232.316
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.763.983.565	13.765.361.846
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>13.111.942.898</b>	<b>12.893.235.281</b>
11. Thu nhập khác	31	23	166.967.784	237.776.672
12. Chi phí khác	32	24	254.505.205	240.542.768
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(87.537.421)</b>	<b>(2.766.096)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	25	<b>13.024.405.477</b>	<b>12.890.469.185</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.344.816.108	1.615.915.318
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	25	<b>11.679.589.369</b>	<b>11.274.553.867</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.151	2.859

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	186.164.342.000	197.703.869.553
2	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(162.109.942.194)	(181.751.778.933)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.867.553.214)	(18.205.337.936)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(658.039.392)	(2.028.922.132)
5	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(525.216.512)	(1.125.933.508)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.872.356.006	3.814.686.988
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.583.697.422)	(10.459.650.681)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.707.750.728)</b>	<b>(12.053.066.649)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(4.658.563.904)	(2.134.512.072)
2	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ, các TS DH khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	27.400.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.350.000.000)	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.008.752.773	2.395.048.983
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.999.811.131)</b>	<b>287.936.911</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	40.180.620.000
2	Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(2.592.332.867)	(682.934.910)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.235.444.985	4.177.280.120
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.484.932.012)	(23.712.393.703)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10.254.636.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.841.819.894)</b>	<b>9.707.935.507</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(10.549.381.753)</b>	<b>(2.057.194.231)</b>
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.557.311.645	22.614.505.876
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	(2.929.273)	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>10.005.000.619</b>	<b>20.557.311.645</b>

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2010

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã ba lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18 tháng 10 năm 2008.

#### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

#### ***Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng***

- Địa chỉ trụ sở chính: 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con là: In sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng**

#### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

##### **Công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.3 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

#### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.7 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

### **4.8 Tài sản cố định vô hình**

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng (thời hạn thuê) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Mức khấu hao tùy thuộc vào thời gian thuê đất.

### **4.9 Ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

### **4.10 Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

### **4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.13 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế Giá trị gia tăng  
Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
  - Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
  - Ngoài ra, năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài chính.

#### ***Các ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ***

- Công ty mẹ được miễn 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Trong năm 2006 Công ty mẹ đã có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty mẹ được miễn thuế trong 2 năm (2006 - 2007) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (Từ năm 2008 đến hết năm 2010).
  - Ngoài ra, Công ty mẹ còn được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5248/TC – CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài Chính. Theo đó, Công ty mẹ được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm (năm 2011 - 2012).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

## **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009		31/12/2008
	USD	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		388.019.043	198.561.101
Tiền gửi ngân hàng		5.571.511.263	4.109.021.201
+ VND		5.566.878.358	4.109.021.201
+ USD	258,23 #	4.632.905	
Tương đương tiền		4.045.470.313	16.249.729.343
<b>Cộng</b>		<b>10.005.000.619</b>	<b>20.557.311.645</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải thu thuế TNCN của Cán Bộ CNV	43.317.315	156.218.530
Phải thu khác	13.841.783	37.001.050
<b>Cộng</b>	<b>57.159.098</b>	<b>193.219.580</b>

### 7. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu - Lê Công Luật	(151.677.100)	(90.604.000)
<b>Cộng</b>	<b>(151.677.100)</b>	<b>(90.604.000)</b>

### 8. Hàng tồn kho



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.395.609.021	9.781.825.277
Công cụ, dụng cụ	7.934.439	10.940.439
Chi phí SX, KD dở dang	60.332.275	100.746.949
Thành phẩm	7.867.705.495	17.488.763.648
Hàng hóa	18.540.069.793	14.957.498.651
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>31.871.651.023</b>	<b>42.339.774.964</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tạm ứng	21.982.000	300.269.681
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn		6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.982.000</b>	<b>306.269.681</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	15.857.096.277	6.569.890.718	2.557.834.451	973.327.075	25.958.148.521
Mua sắm trong năm		703.138.068		16.511.760	719.649.828
Đ/tr XDCB h/thành	547.961.566				547.961.566
Giảm trong năm	-				-
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.405.057.843</b>	<b>7.273.028.786</b>	<b>2.557.834.451</b>	<b>989.838.835</b>	<b>27.225.759.915</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	3.940.150.534	3.904.715.970	1.571.364.397	725.431.539	10.141.662.440
Khấu hao trong năm	441.677.642	623.390.691	196.733.744	110.508.748	1.372.310.825
T/lý, nhượng bán					-
Giảm trong năm					-
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.381.828.176</b>	<b>4.528.106.661</b>	<b>1.768.098.141</b>	<b>835.940.287</b>	<b>11.513.973.265</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	11.916.945.743	2.665.174.748	986.470.054	247.895.536	15.816.486.081
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.023.229.667</b>	<b>2.744.922.125</b>	<b>789.736.310</b>	<b>153.898.548</b>	<b>15.711.786.650</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.106.195.315 đồng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	9.281.865.600	167.790.500	9.449.656.100
Tăng	2.248.129.500		2.248.129.500
Giảm			-
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.529.995.100</b>	<b>167.790.500</b>	<b>11.697.785.600</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	189.425.829	167.790.500	357.216.329
Tăng	428.416.183		428.416.183
Giảm			-
<b>Số cuối năm</b>	<b>617.842.012</b>	<b>167.790.500</b>	<b>785.632.512</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	9.092.439.771	-	9.092.439.771
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.912.153.088</b>	<b>-</b>	<b>10.912.153.088</b>

(\*) Hiện nay, Công ty đang có các quyền sử dụng đất như sau:

- ✓ Quyền sử dụng đất tại Bình Dương với diện tích 20.600m<sup>2</sup> và thời hạn sử dụng từ ngày 26/12/2006 đến ngày 31/12/2055.
- ✓ Quyền sử dụng đất tại Tân tạo với diện tích 2.575 m<sup>2</sup> và thời hạn sử dụng từ ngày 20/03/2001 đến ngày 17/06/2047.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công trình Khu Công Nghiệp Sóng Thần	1.667.860.662	428.727.273
Nhà xưởng 122 Phan Văn Trị	535.025.000	-
Thẩm định giá trị bất động sản 223 Nguyễn Tri Phương	120.181.585	120.181.585
Nhà máy Bình Dương	-	189.425.829
<b>Cộng</b>	<b>2.323.067.247</b>	<b>738.334.687</b>

### 13. Đầu tư dài hạn khác

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đầu tư góp vốn vào các Công ty:	453.000.000	103.000.000
- Công ty CP Sách Giáo Dục Tây Ninh	103.000.000	103.000.000
- Công ty CP DV NXB GD Gia Định	350.000.000	
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	
- NXB GD tại TP. Hồ Chí Minh	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.453.000.000</b>	<b>103.000.000</b>

Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của các đơn vị mà Công ty đã đầu tư vốn cũng như các quyết định chia cổ tức chính thức của năm 2009 cho các khoản vốn đã đầu tư. Do các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Chi phí tư vấn, sửa chữa máy móc		104.843.000
Tiền thuê đất khu Tân Tạo		2.057.747.357
Sửa chữa nhà xưởng ở Tân Tạo	396.315.804	
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	138.629.782	13.144.600
Thuê nhà xưởng	406.992.765	895.384.089
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	1.033.301.932	
<b>Cộng</b>	<b>1.975.240.283</b>	<b>3.071.119.046</b>

### 15. Vay và nợ ngắn hạn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.236.512.973	6.046.000.000
<i>Vay Ngân hàng Nông Nghiệp &amp; PT Nông Thôn VN</i>	<i>2.150.512.973</i>	
<i>Vay cá nhân</i>	<i>4.086.000.000</i>	<i>6.046.000.000</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả		
<b>Cộng</b>	<b>6.236.512.973</b>	<b>6.046.000.000</b>

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thành Phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1701-LAV-200700774 ngày 02/01/2009. Theo đó kỳ hạn vay vốn theo từng giấy nhận nợ; hạn mức tối đa là 30 tỷ đồng; lãi suất vay xác định cho từng lần vay; Lãi suất vay gần nhất 12%/năm, lãi suất quá hạn 15,750% /năm. Hình thức đảm bảo nợ vay: tín chấp.

### 16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.243.525.373	392.359.323
Thuế xuất, nhập khẩu	4.436.184	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.344.816.108	489.981.810
Thuế thu nhập cá nhân	63.704.999	221.272.463
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	288.076.800	
<b>Cộng</b>	<b>2.944.559.464</b>	<b>1.103.613.596</b>

### 17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Kinh phí công đoàn	210.732.741	212.604.967
Phải trả về cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả	6.457.236.000	
Hoa hồng và các khoản phải trả khác	1.332.373.667	1.271.538.933
+ <i>Thu lao phải trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	298.150.000	227.600.000
+ <i>Hoa hồng phải trả</i>	684.106.100	800.643.855
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	350.117.567	243.295.078
<b>Cộng</b>	<b>8.724.113.408</b>	<b>2.207.914.900</b>

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính
<b>Số dư tại 01/01/2008</b>	<b>28.800.000.000</b>	<b>461.741.492</b>		<b>4.242.249.635</b>	<b>461.741.492</b>
Tăng trong năm	27.855.300.000	461.932.707	(682.934.910)	2.035.899.726	
Giảm trong năm					
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>923.674.199</b>	<b>(682.934.910)</b>	<b>6.278.149.361</b>	<b>461.741.492</b>
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>923.674.199</b>	<b>(682.934.910)</b>	<b>6.278.149.361</b>	<b>461.741.492</b>
Tăng trong năm		481.529.019	(2.592.332.867)	3.010.516.489	480.753.752
Giảm trong năm					
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>1.405.203.218</b>	<b>(3.275.267.777)</b>	<b>9.288.665.850</b>	<b>942.495.244</b>

Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ Công ty.

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nhà Xuất bản giáo dục	29.767.680.000	29.767.680.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.042.620.000	26.233.620.000
Giá trị của cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	2.845.000.000	654.000.000
<b>Cộng</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>56.655.300.000</b>

### c. Cổ phiếu

	31/12/2009	31/12/2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	284.500	65.400
- Cổ phiếu thường	284.500	65.400
- Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.381.030	5.600.130
- Cổ phiếu thường	5.381.030	5.600.130
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### d. Cổ phiếu quỹ

Nhằm mục đích bình ổn giá cổ phiếu STC trên thị trường chứng khoán, trong năm 2009, Công ty đã mua lại 219.100 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ (tương ứng số tiền 2.592.332.867 đồng). Nguồn vốn để thực hiện là quỹ đầu tư phát triển.

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	719.236.699	126.949.387
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.679.589.369	11.274.553.867
<b>Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế</b>	<b>11.874.622.318</b>	<b>10.682.266.555</b>
Thuế được miễn giảm tăng quỹ đầu tư phát triển	2.049.008.985	2.035.899.726
Trích các quỹ	3.368.377.333	1.847.730.829
- Quỹ dự trữ	481.529.019	461.932.707
- Quỹ dự phòng tài chính	480.753.752	
- Quỹ đầu tư phát triển	961.507.504	
- Quỹ khen thưởng ban Điều hành	481.529.019	461.932.707
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	963.058.039	923.865.415
Chia cổ tức	6.457.236.000	6.798.636.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>524.203.750</b>	<b>719.236.699</b>

### 19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>200.629.146.286</b>	<b>220.100.435.745</b>
+ Doanh thu bán hàng sách và sản phẩm in	85.612.160.313	96.754.282.877
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	114.285.914.260	123.078.228.242
+ Doanh thu khác	731.071.713	267.924.626
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.700.005.991</b>	<b>1.791.057.657</b>
+ Giảm giá hàng bán	80.067.548	
+ Hàng bán bị trả lại	1.616.513.296	1.790.125.881
+ Giảm khác (điều chỉnh thuế suất...)	3.425.147	931.776
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ</b>	<b>198.929.140.295</b>	<b>218.309.378.088</b>

### 20. Giá vốn hàng bán

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	72.711.651.358	81.266.466.679
Giá vốn thiết bị giáo dục	89.334.974.379	96.455.312.322
Giá vốn hàng hóa khác	238.467.259	151.584.587
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	95.690.108	129.598.107
<b>Cộng</b>	<b>162.380.783.104</b>	<b>178.002.961.695</b>

### 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	994.752.773	2.374.846.385
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.000.000	14.002.598
Chiết khấu thanh toán được hưởng	608.617.694	18.771.500
Lãi công trái giáo dục		6.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		420.495
<b>Cộng</b>	<b>1.617.370.467</b>	<b>2.414.240.978</b>

### 22. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	658.039.392	2.028.922.132
Chiết khấu thanh toán	808.665.602	884.905.796
<b>Cộng</b>	<b>1.466.704.994</b>	<b>2.913.827.928</b>

### 23. Thu nhập khác



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Bán thanh lý, phế liệu	20.476.494	43.669.818
Thu giảm cước	4.382.698	7.396.419
Thưởng		13.200.000
Cho thuê lại gian hàng triển lãm		12.000.000
Vận chuyển sách Pokemon, an toàn giao thông	64.308.450	43.085.300
Thu nhập khác	77.800.142	118.425.135
<b>Cộng</b>	<b>166.967.784</b>	<b>237.776.672</b>

### 24. Chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí vận chuyển sách Pokemon, an toàn giao thông	42.872.300	29.714.000
Chi phí khác...	211.632.905	210.828.768
<b>Cộng</b>	<b>254.505.205</b>	<b>240.542.768</b>

### 25. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế TNDN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>13.024.405.477</b>	<b>12.890.469.185</b>
- Lợi nhuận hoạt động SXKD được hưởng ưu đãi thuế	11.216.378.901	12.890.469.185
- Lợi nhuận hoạt động khác không được ưu đãi thuế	1.808.026.576	
<b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>550.894.895</b>	<b>151.727.402</b>
- Điều chỉnh tăng	564.894.895	171.930.000
+ Chi phí không hợp lệ	510.251.661	160.530.000
+ Chi phí phạt chậm nộp thuế	54.643.234	11.400.000
- Điều chỉnh giảm	14.000.000	20.202.598
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>13.575.300.372</b>	<b>13.042.196.587</b>
- Thu nhập chịu thuế của HĐ SXKD được ưu đãi thuế	11.781.273.796	13.042.196.587
- Thu nhập chịu thuế của HĐ khác không ưu đãi thuế	1.794.026.576	
Thuế suất	25%	28%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.393.825.093</b>	<b>3.651.815.044</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm</b>	<b>2.049.008.985</b>	<b>2.035.899.726</b>
- Thuế TNDN được giảm theo Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ	1.472.659.225	1.825.907.522
- Thuế TNDN được giảm 30% theo TT03/2009/TT-BTC	576.349.760	209.992.204
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.344.816.108</b>	<b>1.615.915.318</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>11.679.589.369</b>	<b>11.274.553.867</b>

### 26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.679.589.369	11.274.553.867
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
+ LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	11.679.589.369	11.274.553.867
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.430.371	3.943.915
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.151</b>	<b>2.859</b>

### 27. Cổ tức

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 13/04/2009 đã dự kiến chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009 là 12%/vốn điều lệ. Theo đó, ngày 08/02/2010, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tạm chia cổ tức năm 2009 số tiền là 6.457.236.000 đồng (12%/mệnh giá). Ngày 10/2/2010 là ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức, dự kiến ngày thực hiện chia trả là 15/3/2010

### 28. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

#### a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung nhà đầu tư
Công ty thiết bị Giáo dục 2	Chung nhà đầu tư
CTy Đầu tư – Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung nhà đầu tư

#### b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
<b>Bán hàng</b>		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	Cung ứng sách giáo khoa	40.540.153.599
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Cung ứng sách tham khảo, ấn phẩm giáo dục	1.820.077.695
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng, đĩa giáo dục...	643.515.455
Công ty thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng thiết bị Giáo dục	3.990.000
CTy Đầu tư P/triển Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo giáo dục, văn hóa phẩm	18.766.149.095
<b>Mua hàng</b>		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	Mua sách	170.653.509
CTy Đầu tư P/triển Giáo dục Phương Nam	Mua sách, đĩa, thiết bị	2.103.814.742
Công ty CP Học Liệu	Mua sách, thiết bị	2.738.406.760
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Mua sách, thiết bị	386.941.029

#### c. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Phải trả người bán	-	365.879.752
Công ty CP Học Liệu	Phải thu khách hàng	594.891.305	-
CTy Đầu tư P/triển Giáo dục Phương Nam	Phải trả người bán	-	405.985.238
<b>Cộng</b>		<b>594.891.305</b>	<b>771.864.990</b>

### 29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 30. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập**

**Từ Văn Sơn**

**Trần Văn Hưng**

**Huỳnh Thị Bích Hạnh**

*TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2010*